

Số: 177/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 457/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1992;

Căn cước công dân số 075192014731 cấp ngày 27/12/2021 nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: 123A/2, tổ C, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Đỗ Hoàng T**, sinh năm 1992;

Căn cước công dân số 093092009268 ngày cấp 28/12/2021 nơi cấp Bộ Công an.

Địa chỉ cư trú: 123A/2, tổ C, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Đỗ Hoàng T tự nguyện yêu thương, sống chung với nhau vào năm 2012, đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã H, tỉnh Đồng Nai) và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111/KH quyền số 01/2012 ngày 22/11/2012. Căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ngày 16/4/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà L và ông T đoàn tụ; giải thích quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng, các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bà L và ông T đều cho rằng cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không đồng ý đoàn tụ và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Đỗ Hoàng T có 02 con chung tên Đỗ Ái V, sinh ngày 21/4/2014 và Đỗ K, sinh ngày 22/3/2019. Khi ly hôn, bà L và ông T thỏa thuận thống nhất giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Đỗ Hoàng T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.500.000 đồng/ tháng (5.000.000 đồng/tháng cho cả hai con chung). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông Đỗ Hoàng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Đỗ Hoàng T phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Đỗ Hoàng T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Đỗ Ái V, sinh ngày 21/4/2014 và Đỗ K, sinh ngày 22/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Đỗ Hoàng T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.500.000 đồng/ tháng (5.000.000 đồng/tháng cho cả hai con chung). Thời gian cấp dưỡng

tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông Đỗ Hoàng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007264 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, bà L đã nộp đủ lệ phí.

Ông Đỗ Hoàng T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007267 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- UBND xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai
(GCNKH số 111/KH ngày 22/11/2012 của UBND xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh

